TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/DS – PT
Ngày: 14-6-2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2018/TLPT - DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện O, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 142/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1960 (có mặt)

Cư trú: Số 1, đường A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Hoàng S - Văn phòng luật sư Anh Sơn thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*:

1/ Ông Trịnh Thanh L, sinh năm 1967 (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1967 (có mặt)

Cư trú: Khu P, xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của của ông Trịnh Thanh L, bà Nguyễn thị Kim L là ông Tô Vĩnh H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 1/1, đường L, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 26/5/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn B, sinh năm 1962 (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Số 1, đường A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cư trú: Số 01 Lô G Phạm Văn C, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Lê Văn B, Lê Thị Y và Lê Thị Thanh T là bà Lê Thị L (Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2017) (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Lê Văn L và cụ Ngô Thị B có phần đất diện tích khoảng 2 công, cha bà cho bà toàn bộ diện tích đất trên nhưng không làm giấy tờ. Năm 1987 cụ Lập chết, phần đất bà được cụ L cho và căn nhà gắn liền trên đất bà để lại cho cụ B ở. Năm 1991 cụ B đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất thửa 33 diện tích 200m^2. Năm 1995 cụ B chuyển nhượng phần đất và căn nhà gắn liền trên thửa 33 diện tích 200m^2 cho ông Trịnh Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim L, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn C 200m^2, chuyển nhượng cho ông Trương Văn N 200m^2, chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị B 200m^2. Sau khi cụ B chuyển nhượng nhà và đất cả gia đình bà lên thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Gia đình còn lại phần đất phía sau thửa 33 diện tích khoảng 1.000m^2 bà không biết số thửa, không ai quản lý. Trong quá trình sử dụng ông L, bà L đã lấn sang phần đất còn lại của gia đình bà đo đạc thực tế diện tích 244,3m^2 xây dựng gồm một căn nhà phụ cột cây, mái lợp tole, nền xi măng, không vách trong đó có 01 lò quay heo, 01 bàn cạo, 01 chuồng heo ngang 2m, dài 3m, cao 1,2m xây gạch,

nền xi măng và một mái che cột sắt, mái tole, nền xi măng và một bức tường ngang 08m, cao 3m. Nay bà L yêu cầu ông Thanh L, bà Kim L trả lại phần đất đo đạc thực tế diện tích 244,3m^2 thuộc tách thửa 179 tờ bản đồ số 40 do ông Trịnh Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà thống nhất trả lại cho ông L, bà L giá trị tài sản trên phần đất tranh chấp nêu trên bằng 18.000.000đ. Riêng 04 cây dừa của cha mẹ bà trồng trên 40 năm bà yêu cầu được sở hữu. Bà đồng ý giá trị quyền sử dụng đất đối với phần đất đang tranh chấp theo giá trị trường tại địa phương bằng 3.000.000đ/m^2 tổng giá trị đất bằng 732.900.000đ, giá trị 04 cây dừa bằng 500.000đ/cây tổng giá trị bằng 2.000.000đ.

Tại bản khai trình bày ý kiến ngày 25/3/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trịnh Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Năm 1995 ông bà nhận chuyển nhượng phần đất và toàn bộ vật kiến trúc, cây trồng trên đất của cụ Ngô Thị B. Hai bên có lập tờ sang nhượng quyền sử dụng đất và huê lợi ngày 25/4/1995 có tứ cận mặt trước giáp lộ về Thạnh Phú; phía Đông (bên trái) mặt trước giáp bà Hai B, mặt sau giáp bà Tư P; phía Tây (bên phải) giáp cô giáo H; mặt sau giáp trường cấp III; diện tích theo ranh giới của các trụ đá đã đóng sẵn; Chiều ngang (mặt trước) khoảng 6,5m; ngang (đoạn sau) khoảng hơn 10m; chiều dài khoảng 50m. Khi chuyển nhượng đất không có ghi diện tích cụ thể mà chỉ ghi hiện trạng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng đất xong ông bà có đến Ủy ban nhân dân xã H lập thủ tục sang tên nhưng do phần đất đã quy hoạch mở rộng trường học nên không được cấp quyền sử dụng đất. Đến năm 2003 bãi bỏ quy hoạch nên ông bà đăng ký đo đạc thửa 33, diện tích 370 m^2 (diện tích tăng 170 m^2 do chương trình đất đo sai ranh với thửa 36). Ông bà đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/3/2003 diện tích 370 m^2 thuộc thửa 33, tờ bản đồ số 05 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã. Ông bà được Ủy ban nhân dân huyện O cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/11/2003, thửa 33, diện tích 370 m^2. Năm 2011 đo đạc lại theo chương trình Vlap phần đất thửa 179 diện tích 416 m^2 ông bà được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2014. Ông bà xác định không có lấn đất của bà Lệ vì bà L không có đất giáp ranh. Đối với phần đất thửa 33 cụ Ba đã chuyển nhượng cho ông bà vào năm 1995 là thửa đất cuối cùng cụ Ba còn quản lý sử dụng tại Khu P, xã H. Khi nhận chuyển nhượng phần đất đã có sẵn các trụ đá, có các hộ tứ cận ký giáp ranh, gia đình bà L không còn đất nên không có ký giáp

ranh với đất ông bà. Vì vậy, bà L khởi kiện cho rằng ông bà lấn đất là không có căn cứ nên ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L. Ông bà thống nhất giá trị quyền sử dụng đất và giá trị vật kiến trúc cây trồng trên đất như ý kiến của bà L.

Tại tờ tường trình ngày 24/4/2017 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y, ông Lê Văn B và chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Cha ông bà là Lê Văn L sinh năm 1920 (chết năm 1987) mẹ là Ngô Thị B, sinh năm 1933 (chết năm 2006). Năm 1977 cụ L, cụ B hồi hương về sống tại Khu P, xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long. Năm 1980 có kê khai đăng ký 10 công đất ruộng và 2 công đất vườn. Khi cụ L còn sống, cụ L và bà L có cho trường học mượn 250m^2 đất. Phần đất còn lại cụ B bán cho ông Nguyễn Văn C 200m^2, bán cho ông Trương Văn N 200m^2, bán cho ông Trịnh Thanh L 200m^2, bán cho bà Nguyễn Thị B 200m^2, số đất còn lại các ông bà đồng ý cho bà L toàn quyền quyết định và sử dụng. Các ông bà không yêu cầu được hưởng và không tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện O, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng:

Điều 91; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 100, 166 của Luật đất đai năm 2013; Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị L về việc yêu cầu bị đơn ông Trịnh Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim L trả lại phần đất diện tích 244,3m^2 thuộc tách thửa 179, tờ bản đồ số 40 loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc Khu P, xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

2. Giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho bị đơn ông Trịnh Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim L đối với phần đất thửa 179, tờ bản đồ số 40 diện tích 416m^2 tọa lạc Khu phố, xã

H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện O cấp cho ông Trịnh Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim L ngày 30/6/2014.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ nộp án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 03/4/2018 bà Lê Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà. Buộc phía ông Trịnh Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ giao trả cho gia đình bà diện tích 244,3 m^2 (theo đo đạc thực tế ngày 15/10/2017) ở chiếc thửa 179, tờ bản đồ só 40 (thửa đất cũ là 33 tại khu chợ, xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim L là ông Tô Vĩnh H trình bày: Tờ sang nhượng quyền sử dụng đất và huê lợi ngày 25/4/1995 giữa ông L, bà L và cụ B không ghi diện tích nhưng có miêu tả chiều dài, chiều ngang, suốt trong quá trình sử dụng ông Thanh L, bà Kim L cũng sử dụng phần đất trong phạm vi các tứ cận khi chuyển nhượng và không thay đổi. Vì vậy đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.

Luật sư bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Cụ B kê khai đăng ký thửa 33 diện tích 200m^2 là diện tích chuyển nhượng cho ông L, bà L trong hợp đồng chuyển nhượng lập ngày 25/4/1995. Tại tờ lưu xứ ngày 05/6/2002 do ông L cung cấp cũng thể hiện ông L chỉ nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 200m^2 từ cụ B. Nhưng hiện nay ông Thanh L, bà Kim L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án Vlap diện tích 416m^2, diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thanh L, bà Kim L tăng là do ông L, bà L đã lấn chiếm của cụ Lê Văn L đã cho bà L. Do vậy, bà L khởi kiện yêu cầu ông Thanh Ly, bà Kim L trả lại phần đất đã lấn chiếm diện tích theo đo đạc thực tế 244,3m^2. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm. Buộc ông Trịnh Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim L trả lại diện tích đất 244,3m^2 thuộc thửa đất số 179 cho bà Lê Thị L. Nếu được chấp nhận yêu cầu thì bà L sẽ trả giá trị tài sản trên phần đất tranh chấp với số tiền 18.000.000đồng cho ông L và bà L.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ y bản án sơ thẩm. Bà Lê Thị L phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có nộp thêm chứng cứ nào khác. Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các đương sự, luật sư, ý kiến Kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm xét xử sơ thẩm ngày 20/3/2018 đến ngày 03/4/2018 bà Lê Thị L có đơn kháng cáo trong hạn luật định bà L có đóng tiền tạm ứng án phí đầy đủ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo Điều 273 và Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét thấy bà Lê Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà buộc ông Trịnh Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim L trả lại diện tích đất 244,3m^2 thuộc thửa đất số 179, vì bà Lệ cho rằng đất tranh chấp được cụ Lập cho vào năm 1985 nhưng bà để cho cụ B (mẹ ruột) sử dụng, quản lý căn nhà còn bà lên thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Năm 1995 cụ B chuyển nhượng thửa đất số 33, diện tích 200m^2 cho ông Trịnh Thanh L và ông L làm tờ lưu xứ đi đăng ký đất chỉ 200m^2, nhưng trong quá trình sử dụng ông L bà L lấn qua phần đất còn lại là 244,3m^2. Đồng thời trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm bà L cũng thống nhất tờ sang nhượng quyền sử dụng đất và huê lợi ngày 25/4/1995 của cụ Ba (mẹ ruột) cho ông Ly có ghi tứ cận, cấm mốc ranh. Đối chiếu với tờ sang nhượng quyền sử dụng đất và huê lợi ngày 25/4/1995 ghi chiều ngang (mặt dưới) khoảng 6,5m^2, ngang đoạn sau khoảng hơn 10 mét, chiều dài khoảng hơn 50mét không xác định diện tích cụ thể nhưng

có miêu tả tứ cận, có trụ ranh, thể hiện các hộ tứ cận giáp ranh và có sơ đồ thể hiện thửa đất thì diện tích tương trên 400m^2. Mặc khác theo biên bản đo đạc hiện trạng lập ngày 25/5/2017 (BL 101) thể hiện phần tứ cận của phần đất tranh chấp cũng giống như tứ cận như tờ sang nhượng quyền sử dụng đất và huê lợi ngày 25/4/1995 của cụ B (mẹ ruột) cho ông L và bà L không có phần đất nào giáp ranh với thửa đất hiện tranh chấp. Với nội dung nêu trên thể hiện cụ B chuyển nhượng diện tích đất theo hiện trạng sử dụng là lớn hơn diện tích cụ Ba đăng ký thửa 33, diện tích 200m^2. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của ông L cũng xác định từ khi ông L mua đất của cụ B ông L sử đúng hiện trạng theo tờ sang nhượng.

Căn cứ vào công văn số 20/UBND-NC ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện O, theo văn bản quy phạm pháp luật đất đai tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Thanh L không thể hiện lưu xứ, tờ lưu xứ do ông Trịnh Thanh L tự viết và cung cấp khi thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử đụng đất, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim L là đúng vị trí trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy.

Với những căn cứ nêu trên thể hiện từ trước đến nay ông L, bà L đã sử dụng thửa đất 179 diện tích 416 m^2 là ổn định lâu dài, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L cũng không khiếu nại về việc cấp giấy, nên bà L cho rằng ông Trịnh Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim L lấn ranh đất của bà là không có cơ sở. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L là có căn cứ.

[3] Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L và lời trình bày của vị luật sư.

[4] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Đối với phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L là đã phù hợp. Tuy nhiên, lại tuyên thêm giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho bị đơn ông Trịnh Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim L đối với phần đất thửa 179, tờ bản đồ số 40 diện tích 416m^2 tọa lạc Khu P, xã

H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện O cấp cho ông Trịnh Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim L ngày 30/6/2014 là chưa phù hợp. Do đó cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên án đối với phần quyết định cho phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bà Lê Thị Lệ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 91; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 100, 166 của Luật đất đai năm 2013; Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Tuyên xử

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện O.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L về việc yêu cầu bị đơn ông Trịnh Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim L trả lại phần đất diện tích 244,3m^2 thuộc tách thửa 179, tờ bản đồ số 40 loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc Khu P, xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc: Bà Lê Thị L phải chịu số tiền xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc là 1.279.300đ (Một triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm đồng) nhưng bà L đã nộp tạm ứng nên được khấu trừ, bà Lệ không phải nộp tiếp.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.316.000đ (Ba mươi ba triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng) nhưng được trừ

vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 216.000 (hai trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013669 ngày 07/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện O, bà Lệ còn phải nộp 33.100.000đ (Ba mươi ba triệu một trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014509 ngày 04/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện O. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Trà Ôn;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự; (theo địa chỉ)
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ngừng